TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HS-ST
Ngày 06 -7- 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân : Bà Lã Thị Nhung và ông Nguyễn Đức Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Xuân Đ, sinh năm 1996 tại xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: thôn V, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn K và bà Nguyễn Thị T; có vợ và 02 con;

Tiền án: Bản án số 17 ngày 29/3/2021, TAND huyện Bình Giang xử phạt 8 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 29/7/2022, bị cáo chấp hành xong bản án.

Tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 24/5/2021, Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc. Ngày 28/5/2021, bị cáo chấp hành xong quyết định xử phạt.

Bị bắt tạm giam ngày 11/4/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1956. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Công T1, sinh năm 2000. Địa chỉ: Thôn V, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

Chị Lê Thị H, sinh năm 1988. (Vắng mặt).

Anh Nguyễn Duy T2, sinh năm 1966.(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 06/4/2023, Trần Xuân Đ điều khiển xe mô tô BKS 16M9- 1504 (mượn của anh Phạm Công T1) đi từ nhà đến huyện B, tỉnh Hải Dương, mục đích tìm nhà ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khoảng 10 giờ cùng ngày, khi đi đến khu vực cánh đồng thôn B, xã N, huyện B, Đức phát hiện thấy xe mô tô BKS 34G1 - 033.62 của ông Nguyễn Duy L dựng ở rìa đường đất (lối vào khu vực ruộng canh tác) không có người trông giữ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Đ giấu xe mô tô của mình ở bãi rác gần đó rồi đi đến chỗ để xe của ông L luồn tay phía dưới cổ xe giật đứt giắc cắm ổ khóa điện, sau đó nối trực tiếp dây nguồn của xe mà không cần dùng chìa khóa. Sau khi thấy đèn báo sáng, Đ nổ máy đi tìm nơi tiêu thụ. Khi đi được khoảng 2 Km đến thôn Ô, xã C, huyện B, Đ dừng xe dùng tay tháo ốc gắn BKS của xe rồi vứt BKS của xe ở ven đường nhằm tránh sự phát hiện của mọi người. Trên đường đi, Đ dùng điện thoại SamSung Galaxy M11 lắp sim số 0984.097.322 của mình gọi đến số 0962.085.216 của anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1988, trú tại thôn X, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương để bán xe (anh B là người chuyên mua bán xe máy cũ, có đăng thông tin mua bán và số điện thoại trên mạng facebook), anh B đồng ý và hẹn gặp Đ ở thị trấn L, huyện C Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, khi gặp Đ, anh B hỏi Đ về nguồn gốc xe thì Đ nói rằng đó là xe của Đ mua trả góp. Khi thấy xe không có chìa khóa và BKS, anh B hỏi thì Đ nói xe bị mất chìa khóa, giấy tờ và BKS để ở nhà, Đ sẽ chuyển lại sau nên anh B đồng ý mua với giá 7.000.000 đồng. Đ bàn giao xe và nhận tiền sau đó thuê xe ôm của người đi đường quay lại lấy xe về nhà. Khi Đ đang đi trên đường trục thôn B, do không đội mũ bảo hiểm nên bị Tổ công tác 151 Công an huyện B kiểm tra. Quá trình làm việc, Đ đã tự khai nhận ra hành vi trộm cắp xe của mình. Tổ công tác 151 Công an huyện đã quản lý xe mô tô BKS 16M9 – 1504 và số tiền 7.000.000 đồng của Đ, đồng thời bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra để giải quyết theo thẩm quyền. Chiều cùng ngày, Đ tự nguyện giao nộp điện thoại SamSung Galaxy M11 lắp sim số 0984.097.322 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Ngày 06/4/2023, anh Nguyễn Văn B tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra xe mô tô đã mua của Đ trước đó để phục vụ điều tra. Đối với chiếc BKS 34G1 – 033.62, ngày 07/4/2023 bị cáo Đ đã đưa Cơ quan Cảnh sát điều tra đến khu

vực thôn Ô, xã C tìm thấy BKS 34G1 – 033.62 đã vứt lại ngày 06/4/2023.

Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐG ngày 07/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện B kết luận: Xe mô tô BKS 34G1 - 033.62 của ông Nguyễn Duy L trị giá 13.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 41/CT-VKS ngày 08 tháng 6 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang đã truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của bản Cáo trạng và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 10 đến 13 tháng tù, tính từ ngày bị tạm giam.

Hình phạt bổ sung: Không đề nghị.

Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Trả lại xe mô tô BKS 16M9 – 1504 cho anh Phạm Công T1.

Tịch thu phát mại nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại SamSung Galaxy M11 lắp sim số 0984.097.322.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Duy L, tình tiết như mô tả ở trên; bị cáo nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại là ông Nguyễn Duy Ly k: Ngày 06/4/2023, ông L đi xe máy ra khu ruộng canh tác để kiểm tra bẫy chuột. Khi đến nơi, ông dựng xe máy ở đường đi giáp ruộng rồi đi bộ xuống ruộng để kiểm tra bẫy chuột. Một lúc sau, khi nhìn về phía đường để xe máy, ông phát phiện xe máy đã bị mất. Tình tiết cụ thể sự việc như nêu trên. Quá trình điều tra, ông L đã nhận lại được xe máy bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường gì, kể việc xe máy bị Đ giật đứt giắc cắm ổ khóa điện. Về trách nhiệm hình sự của Đ, ông L không có ý kiến.

Người làm chứng anh Nguyễn Duy T2 khai chứng kiến việc cơ quan Công an lập biên bản làm việc với Đ, Đ tự khai ra hành vi phạm tội và nộp tiền bán xe máy.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị H1 khai: chị H1 chứng kiến anh Nguyễn Văn B (chồng chị H1) giao dịch mua xe máy của bị cáo Đ, khi bán xe Đ có giải thích là xe trả góp không phải xe trộm cắp khi anh B hỏi về việc xe không có giấy tờ, anh B tin tưởng nên đã mua xe của Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng trong vụ án và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 10 giờ ngày 06/4/2023, tại cánh đồng thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, Trần Xuân Đ đã lén lút chiếm đoạt của ông Nguyễn Duy L xe mô tô BKS 34G1 - 033.62 trị giá 13.000.000 đồng.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản nêu trên của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức rõ được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Do vậy, bị cáo đã phạm tội trộm cắp tài sản, được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo là đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân; tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo bị xử phạt vi phạm hành chính, nhưng đã chấp hành xong và đủ thời gian được xem là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính;

Khi bị kiểm tra hành chính, bị cáo tự khai hành vi phạm tội của mình là hành vi tự thú; đã tự nộp số tiền bán xe máy mà có là đã làm giảm tác hại của tội phạm; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm a, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội lần này do cố ý khi chưa được xóa án tích của bản án hình sự sơ thẩm số 17 ngày 29/3/2021 của TAND huyện Bình Giang, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm", quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, xét hoàn cảnh hiện tại nhiều khó khăn do vợ bỏ đi, bị cáo đang trực tiếp nuôi 2 con còn nhỏ; mẹ đẻ bị cáo bị bệnh ung thư. Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo ở mức tương xứng, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Cơ quan điều tra xác minh Đ không có tài sản gì nên không phạt tiền bổ sung.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Duy L đã nhận lại được xe máy bị chiếm đoạt; anh Nguyễn Văn B đã được nhận lại tiền bỏ ra mua xe của bị cáo; ông L, anh B đều không đề nghị giải quyết gì thêm về trách nhiệm dân sự, nên vấn đề dân sự không xem xét.

[6]. Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô BKS 16M9- 1504 của anh Phạm Công T1, anh T1 không biết bị cáo mượn xe máy để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và anh có đề nghị được nhận lại tài sản, nên cần trả lại tài sản cho anh Phạm Công T1.

Điện thoại S M11 lắp sim số 0984.097.322 của Đ dùng để liên hệ bán xe máy, là công cụ thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu phát mại, nộp ngân sách nhà nước.

[7]. Về án phí: Bị cáo bị kết án, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8]. Anh Nguyễn Văn B mua xe nhưng không biết nguồn gốc xe do phạm tội mà có, anh Phạm Công T1 cho Đ mượn xe nhưng không biết mục đích sử dụng xe máy vào việc phạm tội của Đ, nên cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm a, s, r khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điều 38; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Trần Xuân Đ phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (11/4/2023).

Về xử lý vật chứng: Trả lại xe mô tô BKS 16M9 – 1504, nhãn hiệu YAMAHA JUPITER MX, cho anh Phạm Công T1;

Tịch thu phát mại nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại SamSung Galaxy M11 lắp sim số 0984.097.322.

Vật chứng đang được quản lý tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/7/2023.

Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; ông Nguyễn Duy L có quyền kháng cáo bản án, anh Phạm Công T1 có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Bình Giang
- Cơ quan CSĐT CA huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bộ phận HSNV CA huyện Bình Giang;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Cường